

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2019

V/v tranh chấp về nuôi con giữa
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1966. Địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm: 1983. Địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Anh L có mặt, chị Q có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn. Anh và chị Q chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, chị Q đam mê cờ bạc, thường xuyên thế chấp xe máy và tài sản trong nhà để có tiền đi đánh bài, anh đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị Q không thay đổi nên anh và chị Q thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Anh chị đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 8-2018 cho đến nay. Anh yêu cầu được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Theo nguyện vọng của cháu B, cháu muốn sống với chị Q nên anh cũng đồng ý giao cháu B cho chị Q nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị Q không có nợ ai.

Bị đơn chị Phạm Thị Q đã khai: Chị thừa nhận lời trình bày của anh L là đúng. Chị và anh L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn, do mâu thuẫn nhau nên chị và anh L đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 8-2018 cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị đồng ý với yêu cầu của anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Nay ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh L không có nợ ai.

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Q là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Q là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh L và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Phạm Thị Q có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: anh L và chị Q có một con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2010. Anh L và chị Q thoả thuận giao cháu B cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, chị Q đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con và theo nguyện vọng của cháu B muốn sống với chị Q nên giao cháu B cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị Q thống nhất trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2010 cho chị Phạm Thị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021976 ngày 14-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí anh L đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn Luân L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi chị Q cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm

